

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2021

V/v chị H xin ly hôn anh Kh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Vui

2. Ông Đàm Văn Kiêu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông V Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021. Về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Châu Thành Tây, xã H, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn Kh - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Châu Thành Tây, xã H, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Kh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/7/2021 cũng như lời khai của chị Bùi Thị H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn Kh vào tháng 01/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Kh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, anh Kh chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần Khen

giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Kh không được cải thiện. Từ tháng 6/2020 đến nay chị và anh Kh sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Kh không còn nên chị xin được ly hôn anh Trần Văn Kh. Về con chung giữa chị và anh Trần Văn Kh có hai con chung là Trần Hoàng L sinh ngày 02/9/2011 và Trần Duy V sinh ngày 01/12/2013, hiện cháu V đang do chị nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh Kh nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V còn cháu L để anh Kh nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Kh không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn Kh vắng mặt nhưng có lời khai của bà Trần Thị L là mẹ đẻ của anh Kh trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Bùi Thị H về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh Kh và chị H. Sau khi kết hôn thì anh Kh và chị H chung sống hòa thuận được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bai bên bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 6/2020 đến nay chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Kh. Nay chị H xin ly hôn anh Kh và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giao các văn bản tố tụng cho anh Kh nhưng anh Kh vắng mặt nên bà nhận thay và bà đã thông báo, giao lại anh Kh các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Kh có ý kiến với bà đề bà trình bày với Tòa án là chị H xin ly hôn anh Kh thì anh Kh không nhất trí ly hôn vì các con chung còn nhỏ. Về con chung giữa anh Trần Văn Kh và chị Bùi Thị H có hai con chung là Trần Hoàng L sinh ngày 02/9/2011 và Trần Duy V sinh ngày 01/12/2013, hiện cháu L đang do anh Kh nuôi dưỡng còn cháu V đang do chị H nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh Kh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu L còn cháu V để chị H nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, anh Kh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng L sinh ngày 02/9/2011 cho anh Trần Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Duy V sinh ngày 01/12/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị tuyên án phí chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh đều cư trú tại xã H, huyện N. Nay chị H xin ly hôn anh Kh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Trần Văn Kh vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh Kh, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh Kh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2011, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị H và anh Kh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần Khen giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Kh không được cải thiện. Từ tháng 6/2020 đến nay chị H và anh Kh sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Kh đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin ly hôn anh Kh nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Kh không nhất trí ly hôn với lý do con chung còn nhỏ thấy không có căn cứ nên yêu cầu của anh Kh không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh có hai con chung là Trần Hoàng L sinh ngày 02/9/2011 và Trần Duy V sinh ngày 01/12/2013. Nay chị H đề nghị giải quyết chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Duy V còn cháu Trần Hoàng L để anh Trần Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; phía anh Kh cũng nhất trí và là cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu L nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Bùi Thị H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn Kh.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng L sinh ngày 02/9/2011 cho anh Trần Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Trần Hoàng L đang do anh Trần Văn Kh chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Trần Duy V sinh ngày 01/12/2013 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Trần Duy V đang do chị Bùi Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0004246 ngày 07/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh Kh. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã H;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**